|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**  **THÍ ĐIỂM BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN VỀ VÙNG KHÓ KHĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……………………, ngày tháng năm 2018* |

**MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI BÁC SỸ TRẺ**

**CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA DỰ ÁN 585**

**I. Thông tin chung bác sỹ trẻ.**

Họ và tên :…..………………………………………………………………….

Ngày sinh:………………………………………………………………………

Chuyên ngành:………………………………………………………………….

Tốt nghiệp Chuyên khoa I năm:………………………………………………..

Đơn vị tuyển dụng:……………………………………………………………..

Đơn vị sử dụng:…………………………………………………………………

Thời gian bắt đầu công tác tại huyện nghèo:…………………………………..

**II. Các nội dung đánh giá**

**1. Mô tả hoạt động thường ngày (**Công việc chính ở khoa làm gì? Phối hợp với ai? Thời gian làm việc? Hỗ trợ đồng nghiệp?.....)

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**2. Đánh giá chung**

- Thời gian làm việc trung bình: ……/ngày

- Số buổi trực:…… buổi/tuần

- Số bệnh nhân được bác sỹ trẻ khám/ thực hiện thủ thuật hàng ngày: …….bệnh nhân

**3. Các nội dung bác sỹ trẻ tự đánh giá**

**3.1. Về chuyên môn: làm được………. kỹ thuật, trong đó:**

- Chuyển giao cho đơn vị: …. kỹ thuật

- Thực hiện theo phân tuyến: …… kỹ thuật

- Theo chương trình đào tạo: …… kỹ thuật

**3.1.1. Các kỹ thuật Bác sỹ trẻ chuyển giao cho đơn vị sau khi đến công tác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**3.1.2 . Các kỹ thuật bác sỹ trẻ thực hiện được theo phân tuyến kỹ thuật**

| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày**  **/tuần/tháng** | **Trong đó** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | **A. SẢN KHOA** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy thai lần đầu |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch…) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung |  |  |  |  |
|  | Khâu tử cung do nạo thủng |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm |  |  |  |  |
|  | Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch |  |  |  |  |
|  | Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ ngôi ngược (\*) |  |  |  |  |
|  | Nội xoay thai |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên |  |  |  |  |
|  | Forceps |  |  |  |  |
|  | Giác hút |  |  |  |  |
|  | Soi ối |  |  |  |  |
|  | Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo |  |  |  |  |
|  | Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (\*) |  |  |  |  |
|  | Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm |  |  |  |  |
|  | Cắt và khâu tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau |  |  |  |  |
|  | Kiểm soát tử cung |  |  |  |  |
|  | Bóc rau nhân tạo |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật bấm ối |  |  |  |  |
|  | Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn |  |  |  |  |
|  | Khám thai |  |  |  |  |
|  | Nong cổ tử cung do bế sản dịch |  |  |  |  |
|  | Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ |  |  |  |  |
|  | Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút |  |  |  |  |
|  | Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại |  |  |  |  |
|  | Khâu vòng cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | **B. PHỤ KHOA** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ |  |  |  |  |
|  | Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang |  |  |  |  |
|  | Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng |  |  |  |  |
|  | Tiêm hoá chất tại chỗ điều trị chửa ở cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Tiêm nhân Chorio |  |  |  |  |
|  | Khoét chóp cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Cắt cụt cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo |  |  |  |  |
|  | Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh... |  |  |  |  |
|  | Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn |  |  |  |  |
|  | Cắt u thành âm đạo |  |  |  |  |
|  | Lấy dị vật âm đạo |  |  |  |  |
|  | Khâu rách cùng đồ âm đạo |  |  |  |  |
|  | Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe tuyến Bartholin |  |  |  |  |
|  | Bóc nang tuyến Bartholin |  |  |  |  |
|  | Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo |  |  |  |  |
|  | Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính |  |  |  |  |
|  | Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết |  |  |  |  |
|  | Nạo hút thai trứng |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu cùng đồ Douglas |  |  |  |  |
|  | Chọc dò túi cùng Douglas |  |  |  |  |
|  | Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ |  |  |  |  |
|  | Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe vú |  |  |  |  |
|  | Khám nam khoa |  |  |  |  |
|  | Khám phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Soi cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Làm thuốc âm đạo |  |  |  |  |
|  | Cắt u vú lành tính |  |  |  |  |
|  | Bóc nhân xơ vú |  |  |  |  |
|  | Cắt âm hộ + vét hạch bẹn hai bên |  |  |  |  |
|  | Cắt bỏ âm hộ đơn thuần |  |  |  |  |
|  | **C. SƠ SINH** |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy |  |  |  |  |
|  | Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi) |  |  |  |  |
|  | Chọc dò tủy sống sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn |  |  |  |  |
|  | Truyền máu sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Rửa dạ dày sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Ep tim ngoài lồng ngực |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu màng phổi sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Khám sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc rốn sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Tắm sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Đặt sonde hậu môn sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh |  |  |  |  |
|  | Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh |  |  |  |  |
|  | **D. HỖ TRỢ SINH SẢN** |  |  |  |  |
|  | Lọc rửa tinh trùng |  |  |  |  |
|  | Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI) |  |  |  |  |
|  | **Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH** |  |  |  |  |
|  | Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ |  |  |  |  |
|  | Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ |  |  |  |  |
|  | Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang) |  |  |  |  |
|  | Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang) |  |  |  |  |
|  | Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao) |  |  |  |  |
|  | Đặt và tháo dụng cụ tử cung |  |  |  |  |
|  | **E. PHÁ THAI** |  |  |  |  |
|  | Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không |  |  |  |  |
|  | Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần |  |  |  |  |
|  | Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ |  |  |  |  |
|  | Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không |  |  |  |  |
|  | **G. Các kỹ thuật khác** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**3.1.3. Các kỹ thuật bác sỹ trẻ đã thực hiện theo chương trình đào tạo dự án 585**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày/**  **tuần/tháng** | **Ghi chú** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | Khám và phát hiện thai nghén có nguy cơ cao |  |  |  |  |
|  | Theo dõi đẻ khó |  |  |  |  |
|  | Bấm ối |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm |  |  |  |  |
|  | Theo dõi đẻ chỉ huy |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ ngôi ngược |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên |  |  |  |  |
|  | Làm và phụ Forceps |  |  |  |  |
|  | Kiểm soát tử cung |  |  |  |  |
|  | Bóc rau nhân tạo |  |  |  |  |
|  | Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ |  |  |  |  |
|  | Mổ lấy thai |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa |  |  |  |  |
|  | Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ |  |  |  |  |
|  | Tham gia hồi sức mẹ và thai |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy |  |  |  |  |
|  | Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi) |  |  |  |  |
|  | Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Ép tim ngoài lồng ngực |  |  |  |  |
|  | Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh |  |  |  |  |
|  | Nạo thai trứng |  |  |  |  |
|  | Khâu rách cùng đồ âm đạo |  |  |  |  |
|  | Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính |  |  |  |  |
|  | Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần |  |  |  |  |
|  | Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lI... |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe vú |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chửa ngoài tử cung |  |  |  |  |
|  | Soi cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễmIuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Mổ u nang buồng trứng |  |  |  |  |
|  | Cấy - tháo thuốc tránh thai |  |  |  |  |
|  | Đặt, tháo dụng cụ tử cung |  |  |  |  |
|  | Triệt sản nữ |  |  |  |  |
|  | Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không |  |  |  |  |
|  | Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần |  |  |  |  |

**3.2. Về các hoạt động khác**

- Số tài liệu được viết, soạn thảo để đào tạo, hướng dẫn cho đồng nghiệp tại huyện nghèo: ….

Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số trang** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- Số buổi tập huấn, hướng dẫn chia sẻ kinh nghiệm được bác sỹ trẻ thực hiện:………

Trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tập huấn** | **Số ngày** | **Số người tham dự** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

- Một số hoạt động khác (ngoài chuyên khoa SẢN, có thực hiện hoạt động chuyên môn, Khám chữa bệnh chuyên khoa khác không, ví dụ Nhi, Ngoại…)

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Bác sỹ trẻ tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động trên

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**4. Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với bác sỹ trẻ tình nguyện**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5. Thuân lợi, khó khăn khi công tác tại huyện nghèo**

**5.1. Thuận lợi**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5.2. Khó khăn**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**6. Đề xuất, kiến nghị**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người giám sát**  **(Ký tên)** | **Bác sỹ trẻ tình nguyện**  **(ký tên)** | **Lãnh đạo đơn vị**  **(Ký tên, đóng dấu)** |